

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2205/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau:**

**I. MỤC TIÊU**

1. Mục tiêu chung: Đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025:

- 100% các trường đại học, viện nghiên cứu được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo;

- Tối thiểu 40% sản phẩm được công nhận là sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

b) Đến năm 2030:

- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế của các viện nghiên cứu, trường đại học tăng trung bình 16 - 18%/năm; số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 12 - 14%;

- Tối thiểu 60% sản phẩm được công nhận là sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ;

- Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu của các doanh nghiệp Việt Nam tăng trung bình 8 - 10%/năm.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu, các công cụ và cung cấp dịch vụ thông tin sở hữu trí tuệ, bản đồ sáng chế. Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao.

b) Hỗ trợ hình thành và phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ phân tích thông tin sáng chế và dự báo xu hướng phát triển công nghệ.

c) Xây dựng và triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về sở hữu trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng.

2. Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước

a) Đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu của các tổ chức, cá nhân. Đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới.

b) Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP.

c) Đăng ký bảo hộ trong nước và quốc tế đối với biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia.

### 3. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

b) Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị. Giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác nhằm khai thác, phát triển giá trị các tài sản trí tuệ.

c) Triển khai quy định về quản lý và sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia, hỗ trợ sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia ở trong và ngoài nước.

d) Khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam.

đ) Quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ. Hỗ trợ tư vấn định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ, tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại và nhãn hiệu.

### 4. Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

a) Hỗ trợ triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

b) Tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

### 5. Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ

a) Nâng cao năng lực của tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

b) Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng; tổ chức đại diện, quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

c) Phát triển dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ, dịch vụ tư vấn về quản trị, phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học.

#### 6. Hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

b) Biên soạn, phát hành tài liệu về sở hữu trí tuệ.

c) Xây dựng và vận hành phần mềm, chương trình ứng dụng trên thiết bị điện tử, thiết bị di động để cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn về sở hữu trí tuệ.

d) Vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

### III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kinh phí thực hiện Chương trình gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình theo phân cấp ngân sách nhà nước quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Các bộ, cơ quan, địa phương lập dự toán ngân sách hằng năm và quản lý kinh phí thực hiện các hoạt động chung, nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình và các nhiệm vụ thực hiện các nội dung Chương trình theo quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

#### **Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan tổ chức thực hiện Chương trình**

##### 1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, điều hành, quản lý và tổ chức triển khai hoạt động chung, thường xuyên của Chương trình. Cơ quan thường trực Chương trình là Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức bộ phận làm đầu mối triển khai Chương trình trên cơ sở cân đối, điều chỉnh nguồn nhân lực hiện có của Cục Sở hữu trí tuệ.

b) Ban hành quy định quản lý thực hiện Chương trình trong Quý I năm 2021; hướng dẫn, hỗ trợ các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình.

c) Tổ chức quản lý và thực hiện các nội dung Chương trình theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án, đề án) cấp quốc gia.

d) Tổ chức các hoạt động tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

đ) Tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025 và tổng kết Chương trình vào năm 2030.

e) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

## 2. Bộ Tài chính

a) Ban hành quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình trong Quý II năm 2021.

b) Căn cứ vào nội dung của Chương trình và đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm

a) Chỉ định cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Xây dựng và triển khai kế hoạch 5 năm, hằng năm thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Tổ chức thực hiện các nội dung Chương trình theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án, đề án) cấp bộ.

4. Các bộ, cơ quan khác căn cứ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước được giao chủ động, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và địa phương tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Xây dựng, phê duyệt và bố trí kinh phí để triển khai Chương trình của địa phương.

b) Triển khai các hoạt động chung, thường xuyên nhằm chỉ đạo, quản lý và tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn. Tổ chức quản lý và thực hiện các nội dung Chương trình theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án, đề án) cấp tỉnh.

c) Lồng ghép việc thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác thuộc thẩm quyền quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương và doanh nghiệp.

6. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp ở trung ương và địa phương

a) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn, đào tạo về công tác bảo hộ, quản lý, khai thác, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Hướng dẫn, giới thiệu doanh nghiệp, thành viên, hội viên tham gia các hoạt động của Chương trình.

b) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp; khen thưởng, tôn vinh tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

7. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đặt hàng, liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học để khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, rút ngắn quá trình ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 – 2020; đối với những nhiệm vụ cụ thể, có thể yêu cầu được gia hạn để tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021-2030 thì xem xét, quyết định gia hạn theo thẩm quyền và quy định pháp luật có liên quan.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ trưởng, các Phó Thủ trưởng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KTTH, NN, PL;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Vũ Đức Đam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**SAO Y NGUYỄN BẢN CHÍNH**

Số: 151 /YS-UBND

Nghệ An, ngày 26 tháng 12 năm 2020

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, PCT.VX UBND tỉnh;
- Chánh VP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Sở KHCN, Sở Tài chính (để triển khai);
- Các Hội LHKHKT tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- CV: KGVX;
- Lưu: VT-UB (Toàn)

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Chu Hữu Bằng**